

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC I - PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25/12/2025

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I – PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Kiềm

2. Ông Vũ Hùng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Phú Thọ.

- Đại diện V2 kiểm sát nhân dân khu vực 1- Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25/12/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị K - sinh năm 1995;

Địa chỉ: Tổ 8, khu D, phường V, tỉnh Phú Thọ

Hiện đang ở nước ngoài

Người đại diện theo ủy quyền về việc nhận các văn bản tố tụng: Ông Hà Quốc K2, sinh năm 1970

Địa chỉ: Xã B, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Tạ Thanh X - sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ 8, khu D, phường V, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang ở nước ngoài

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị V2, sinh năm 1944

Địa chỉ: Tổ 8, khu D, phường V, tỉnh Phú Thọ

(Chị K có đơn xin xét xử vắng mặt, bà V2 xin xét xử vắng mặt, anh X vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Hà Thị K trình bày:

Chị Hà Thị K và anh Tạ Thanh X kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 25/9/2014 tại UBND phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Do vợ chồng bắt đầu quan điểm sống, sống xa nhau, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị K xác định vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, đã lâu chị và anh X không còn chung sống, không còn liên lạc và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị K yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn với anh X.

Về con chung: Chị K xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Tạ Thu s, sinh ngày 05/3/2015, hiện đang được bà nội cháu là bà Nguyễn Thị V2 nuôi dưỡng và chăm sóc ở tại tổ 8, phường V, tỉnh Phú Thọ. Quan điểm của chị đề nghị Tòa án giao cháu Y cho chị được nuôi dưỡng con chung, chị không đề nghị anh X phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Trong trường hợp chị K đi nước ngoài thì chị đồng ý để bà V2 nuôi dưỡng, chăm sóc cháu đến khi chị về nước.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị K không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do hiện nay chị đi làm ăn xa nên chị đề nghị Tòa án xem xét cho chị xin được vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa xét xử giải quyết ly hôn giữa chị và anh X và chị đề nghị không tiến hành hòa giải.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị và anh X, chị ủy quyền cho ông Hà Quốc K2 đại diện được thực hiện việc lập, ký, giao nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án giao cho.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị V2 (là mẹ đẻ của anh X) có lời khai:

Bà là mẹ đẻ của anh X. Sau khi kết hôn, anh chị về ở cùng gia đình bà tại tổ 8, Khu D, phường V, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, do hoàn cảnh gia đình nên anh chị đều đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu có mâu thuẫn, mặc dù được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không được. Nay việc chị K có đơn xin ly hôn với anh X thì bà cũng đồng ý cho chị K ly hôn anh X, bà xác định tình cảm vợ chồng giữa chị K và anh X không thể khắc phục được. Hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau nhiều năm nay.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Tạ Thu Y, sinh ngày 05/3/2015, hiện cháu đang ở cùng với bà, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng, đưa đón cháu đi học, bà có đủ điều kiện để nuôi cháu Y. Bà đề nghị Tòa án tạm giao cháu Y cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y trong thời gian chị K, anh X ở nước ngoài. Bà không yêu cầu anh, chị phải cấp dưỡng cho bà.

Anh X vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình bà, anh X có nói cho bà biết địa chỉ của anh X nhưng anh X không muốn bà cung cấp địa chỉ nên bà không

cung cấp cho Tòa án về địa chỉ của anh X và cũng không thực hiện tổng đạt các văn bản của Tòa án và thông báo cho anh X vì anh X không muốn được thông báo.

Tại phiên tòa, đại diện V2 kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ phát biểu quan điểm:

* Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện việc thụ lý, thông báo thụ lý, thực hiện việc thu thập chứng cứ theo đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn giải quyết vụ án và các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự và gửi hồ sơ cho V2 kiểm sát nghiên cứu tham gia phiên tòa đảm bảo thời gian theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án: Quá trình xét xử tại phiên tòa kể từ khi khai mạc đến khi tuyên án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử, thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 56 và Điều 123 Luật HNGĐ năm 2014, khoản 1 Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử:

- Cho chị Hà Thị K được ly hôn với anh Tạ Thanh X.

- Về con chung: V2 kiểm sát nhận thấy chưa đủ điều kiện để phát biểu quan điểm về việc giao con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị K không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc chị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa chị Hà Thị K và anh Tạ Thanh X. Theo công văn số 608/QLXNC-Đ1 ngày 20/10/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Phú Thọ xác định: Anh Tạ Thanh X đã xuất cảnh ngày 09/5/2022 qua Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, chưa có thông tin nhập cảnh.

Bị đơn là anh X có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 8, khu D, phường V, tỉnh Phú Thọ. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Hà Thị K xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị K là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn là anh X, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt trực tiếp đến nhà anh X tại tổ 8, khu D, phường V, tỉnh Phú Thọ để tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh X, qua thân nhân của anh X thì được bà V2 cho biết anh X vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, anh X có nói cho bà biết địa chỉ của anh X, tuy nhiên khi Tòa án yêu cầu bà V2 cung cấp thì bà V2 không cung cấp địa chỉ đang ở của anh X ở nước ngoài, cũng không cam kết thông báo các văn bản tố tụng cho anh X biết. Tòa án đã yêu cầu bà V2 đến lần thứ hai nhưng bà V2 vẫn không hợp tác. Vì vậy, theo điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 thì trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ. Do vậy, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho anh X theo quy định của pháp luật. Như vậy là anh X cố tình không hợp tác, Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh X.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh X đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25/9/2014 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, phù hợp với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị K xác định vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, đã lâu chị và anh X không còn chung sống, không còn liên lạc và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị K, anh X sinh sống và mẹ đẻ của anh X là bà V2 xác định anh, chị có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị K và anh X mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị K đề nghị ly hôn với anh X là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị K xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Tạ Thu Y, sinh ngày 05/3/2015, chị K có quan điểm xin nuôi con và không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét đề nghị của chị K là chính đáng bởi vì cháu Y vẫn còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của người mẹ để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của con, hơn nữa cháu Y lại là con gái nên cần giao cho chị K nuôi dưỡng. Cháu Y có nguyện vọng xin ở với bố, tuy nhiên nguyện vọng của cháu chỉ mang tính chất tham khảo. Anh X vắng mặt, không có quan điểm của mình. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho con chung, cần giao cháu Y cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Sau khi thụ lý vụ án chị K đã xuất cảnh ngày 11/10/2025, trước khi chị K đi chị K có lời khai thể hiện con chung đang được bà nội là bà V2 trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng, vì vậy chị đồng ý giao cho bà V2 trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Bà V2 cũng có quan điểm đồng ý nuôi cháu Y và bà có đủ điều kiện để nuôi cháu, bà không yêu cầu chị K, anh X phải cấp dưỡng nuôi con cho bà. Do đó, cần giao cháu Y cho chị K nuôi dưỡng, chăm sóc và tạm giao cháu Y cho bà V2 là bà nội của cháu chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị K về Việt Nam để đảm bảo cuộc sống ổn định, phát triển tốt nhất và tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của cháu là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Anh X không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị K vì chị K không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Chị K không đề nghị Toà án giải quyết. Mặt khác, anh X không đến Tòa án làm việc nên không thể hiện được quan điểm của mình về vấn đề này nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện V2 kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ về quan hệ hôn nhân; về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp và án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp nên cần chấp nhận.

Về con chung: V2 kiểm sát không phát biểu quan điểm về việc giao con chung tại phiên tòa nhưng không nêu rõ lý do là chưa thực hiện đúng việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hà Thị K được ly hôn với anh Tạ Thanh X

2. Về con chung: Giao cháu Tạ Thu Y, sinh ngày 05/3/2015 cho chị Hà Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Tạm giao cháu Y cho bà Nguyễn Thị V2 chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian chị K ở nước ngoài cho đến khi chị K trở về Việt Nam. Anh Tạ Thanh X có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tạ Thanh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K do chị K tự nguyện không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra giải quyết.

4 Về án phí: Chị Hà Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Hà Thị K đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002831 ngày 06/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

5. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn một tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 1 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND phường V;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Liên